

Số: 1060 /SCT-QLCN

Quảng Trị, ngày 11 tháng 7 năm 2019

V/v tham gia ý kiến góp ý Dự thảo Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Giao thông Vận tải;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2019; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025 cho phù hợp với tình hình thực tế đầu tư và phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, Sở Công Thương kính đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo Tờ trình và Nghị quyết (*gửi kèm*).

Văn bản tham gia góp ý gửi về Sở Công Thương **trước ngày 25/7/2019** (Điện thoại: 0233.3551.393; Fax: 0233.3852.265) để Sở tổng hợp, chỉnh lý trình Sở Tư pháp thẩm định.

Sở Công Thương kính đề nghị quý cơ quan phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm Tin học tỉnh (đăng trên Cổng TTĐT tỉnh);
- GD, PGD phụ trách;
- Lưu: VT, QLCN.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Vĩnh

Số: /2019/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai năm 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo Dự thảo Nghị quyết phê duyệt Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020 – 2025 như sau:

1. Mục tiêu chương trình

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất – kinh doanh trong CCN phải phù hợp với định hướng của Chương trình hành động số 131-CTHĐ/TU ngày 24/9/2018 của Tỉnh ủy Quảng Trị về việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan và quy hoạch của các địa phương.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp vệ tinh của các dự án trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghiệp; gắn với phát triển đô thị và gần thị trường tiêu thụ, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển các ngành nghề nông thôn, làng nghề tiểu thủ công nghiệp để thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; phục vụ nhu cầu di dời các cơ sở sản xuất ở các làng nghề, khu dân cư; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế so với các địa phương khác trong tỉnh.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên cơ sở huy động tối đa mọi nguồn lực của xã hội, trong đó tăng cường, khuyến khích công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để đầu tư hạ tầng CCN; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, kinh doanh hạ tầng.

- Phân đầu đến năm 2025 có trên 25 CCN với tổng diện tích khoảng 750 ha được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đảm bảo đủ điều kiện thu hút vào đầu tư sản xuất trong CCN.

- Cơ bản hoàn thiện kết cấu hạ tầng các CCN đã được thành lập, phê duyệt theo quy định và có tỷ lệ lấp đầy cao. Thu hút các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất vào đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Phân đầu trên 20 CCN với tỷ lệ lấp đầy đạt 70 - 80% diện tích đất có thể cho thuê.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phạm vi, đối tượng, điều kiện hỗ trợ; nội dung và quy định mức hỗ trợ; dự kiến kinh phí hỗ trợ hàng năm để đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 do ngân sách địa phương đảm bảo nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hợp tác xã; tổ hợp tác; cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề (đối với CCN làng nghề) vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

3. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ

- Các cơ quan nhà nước liên quan tới đầu tư, quản lý, phát triển của CCN; Các chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN theo Khoản 2 Điều 15 Nghị định 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ (gọi tắt là Trung tâm phát triển CCN); Doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các CCN (gọi tắt là Đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN)

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác và cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN, CCN làng nghề theo quy định của pháp luật.

b) Điều kiện hỗ trợ

- CCN được hỗ trợ phải thực hiện đúng trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định tại Điều 16 Nghị định số [68/2017/NĐ-CP](#) ngày 25/05/2017 của Chính phủ.

- Hỗ trợ các CCN chưa có hạ tầng đồng bộ. Ưu tiên lựa chọn hỗ trợ các CCN, CCN làng nghề có vị trí quan trọng tác động đến việc thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng lợi thế của địa phương nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, phục vụ mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm hoặc nằm xen kẽ trong khu dân cư vào CCN, ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN làng nghề.

- Các chủ đầu tư hạ tầng CCN chỉ được hỗ trợ thêm CCN thứ 2 khi CCN thứ nhất đã hoàn thành các hạng mục và giải ngân hết vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh quản lý và CCN được hỗ trợ thứ nhất có tỷ lệ lấp đầy 80% trở lên và đang triển khai hoạt động đầu tư;

- Các chủ đầu tư hạ tầng CCN được hỗ trợ từ ngân sách phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh, quyết toán số vốn được hỗ trợ theo quy định hiện hành.

4. Nội dung chương trình hỗ trợ từ ngân sách tỉnh

4.1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong CCN do Trung tâm phát triển CCN làm chủ đầu tư

a) Các chủ đầu tư hạ tầng CCN được ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN, bao gồm các hạng mục chủ yếu: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của CCN.

b) Mức hỗ trợ (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương)

- CCN có diện tích từ 30 ha trở lên: không quá 30 tỷ đồng.

- CCN có diện tích dưới 30 ha: không quá 25 tỷ đồng.

4.2. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với CCN do Đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN

- Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: Trên cơ sở hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế được nghiệm thu, thanh quyết toán, tỉnh hỗ trợ sau đầu tư chi phí san lấp mặt bằng cho nhà đầu tư với các mức hỗ trợ như sau:

+ Tối đa 01 tỷ đồng đối với CCN có giá trị san lấp từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng;

+ Tối đa 03 tỷ đồng đối với CCN có giá trị san lấp từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng;

+ 05 tỷ đồng đối với CCN có giá trị san lấp từ 50 tỷ đồng trở lên.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung trong CCN: Sau khi triển khai xây dựng xong công trình xử lý nước thải, chất thải, được tỉnh hỗ trợ sau đầu tư 10% giá trị quyết toán đối với phần xây lắp công trình xử lý nước thải cho mỗi CCN nhưng không quá 3 tỷ đồng.

4.3 Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng đối với dự án sản xuất, kinh doanh trong CCN do Trung tâm phát triển CCN làm chủ đầu tư

Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất kinh doanh trong CCN chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật (hạng mục san lấp mặt bằng đất công nghiệp) nhưng đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tự bỏ vốn để san lấp mặt bằng thì sau khi hoàn thành, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thi công nghiệm thu, thanh quyết toán, được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng nhưng tối đa không quá theo các mức sau:

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng hỗ trợ 100 triệu đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng hỗ trợ 300 triệu đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 30 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng hỗ trợ 500 triệu đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng hỗ trợ 01 tỷ đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên hỗ trợ 1.500 triệu đồng.

Kinh phí được hỗ trợ sẽ được trừ dần hàng năm vào các khoản thu nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Giải pháp thực hiện

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với hoạt động đầu tư, phát triển CCN. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động phát triển CCN.

b) Hỗ trợ có chọn lọc CCN, CCN làng nghề để làm đầu tàu phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn đi đôi với việc hình thành, phát triển các ngành nghề, sản phẩm mới, tạo ra chuỗi liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn gắn với thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ, hiệu quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và hoạt động các CCN trên địa bàn, tập trung đầu tư các CCN hoạt động hiệu quả, phát huy thế mạnh của địa phương.

d) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển CCN để thu hút các nhà đầu tư quan tâm, xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh.

đ) Rà soát, quy hoạch phát triển các CCN tỉnh giai đoạn 2020 – 2025, lựa chọn, ưu tiên đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các CCN có điều kiện thuận lợi, phù hợp với thực tế kết nối với hạ tầng kinh tế - xã hội.

e) Hàng năm xây dựng kế hoạch và ưu tiên, bố trí ngân sách để thực hiện Chương trình đảm bảo khách quan, phát huy được đồng vốn bỏ ra.

6. Kinh phí

Do ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và nguồn khác (ngân sách Chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư hạ tầng của Trung ương, kinh phí sự nghiệp khuyến công quốc gia, kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân khác) đảm bảo.

Tổng kinh phí thực hiện chương trình: 178 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách cấp tỉnh (bao gồm từ nguồn vốn có mục tiêu): 99 tỷ đồng.

- Nguồn ngân sách các huyện, thị xã, thành phố: 43 tỷ đồng.

- Nguồn ngân sách khác (kinh phí sự nghiệp khuyến công quốc gia, kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường ...): 16 tỷ đồng.

- Nguồn khác (doanh nghiệp, công tác xã hội hoá,...): 20 tỷ đồng.

(Có Phụ lục khái toán nguồn kinh phí kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 11, thông qua ngày ... tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày/12/2020 đến hết ngày/12/2025./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: CT, TC, KH&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục

KHÁI TOÁN NGUỒN KINH PHÍ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày /12/2019 của HĐND tỉnh Về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Giai đoạn 2021-2025						
		Tổng giai đoạn	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Ngân sách tỉnh (bao gồm kinh phí Chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư hạ tầng của Trung ương)	99,000	10,000	12,000	15,000	17,000	20,000	25,000
2	Ngân sách cấp huyện	43,000	5,000	6,000	7,000	7,000	8,000	10,000
3	Ngân sách khác (kinh phí sự nghiệp khuyến công quốc gia, kinh phí sự nghiệp BVMT...)	16,000	0	4,500	0	5,500	0	6,000
4	Nguồn khác (doanh nghiệp, xã hội hoá...)	20,000	1,000	3,000	3,000	3,000	5,000	5,000
Tổng cộng		178,000	16,000	25,500	25,000	32,500	33,000	46,000

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2019;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025 như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai năm 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN.

2. Căn cứ thực tiễn

Đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã hình thành 17 CCN với tổng diện tích 527,5 ha. Trong đó, 15 CCN đã đi vào hoạt động và đang thu hút đầu tư, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân 47,2 %; mới có 4 CCN đã cơ bản hoàn thành hạ tầng giao thông (CCN Đông Lễ, CCN Ái Tử - giai đoạn 1, CCN Cam Thành, CCN Diên

Sanh); 01 CCN có hệ thống xử lý nước thải chung (CCN Ái Tử). Tất cả các CCN trên địa bàn tỉnh đều đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, 14 CCN đã được phê duyệt dự án đầu tư hoặc báo cáo KT-KT đầu tư xây dựng KCHT theo từng giai đoạn, từng hạng mục để phù hợp với khả năng hỗ trợ, bố trí kinh phí. Tính đến nay, tổng kinh phí đã thực hiện đầu tư xây dựng KCHT khoảng 156,25 tỷ đồng, trong đó từ nguồn ngân sách Trung ương: 62,94 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 37,29 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện: 24,55 tỷ đồng, vốn khác: 31,47 tỷ đồng; đạt ý lệ 17,7% tổng nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên toàn địa bàn tỉnh. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn, không có tính khả thi (hiện nay có 02 CCN xã hội hóa theo hình thức này nhưng tạm dừng hoạt động)

Tính đến tháng 6/2019, đã thu hút được 129 dự án đầu tư vào 14 CCN trên địa bàn với tổng số vốn đăng ký khoảng 1.744 tỷ đồng, đã thực hiện đầu tư xây dựng 758 tỷ đồng, trong đó: 68 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, 19 dự án đang triển khai xây dựng, 43 dự án đang hoàn thiện các thủ tục để triển khai xây dựng hoặc đã được chấp thuận đầu tư, đã giải quyết việc làm cho khoảng 3.000 lao động. Năm 2018, doanh thu của các doanh nghiệp trong CCN khoảng 1.041 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước gần 40 tỷ đồng, đóng góp rất lớn vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, chính sách phát triển tam nông...

Tuy nhiên, khó khăn, vướng mắc chủ yếu của các CCN hiện nay chủ yếu là thiếu vốn đầu tư xây dựng KCHT CCN, khó khăn trong việc kêu gọi, thu hút được các doanh nghiệp tham gia làm chủ đơn vị kinh doanh hạ tầng CCN. Trong khi đó, nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng CCN chủ yếu được bố trí từ vốn ngân sách. Trong những năm gần đây, ngân sách tỉnh đã có sự cố gắng trong việc cân đối các nguồn vốn để bố trí theo Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND và dựa vào cân đối của Trung ương (Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2011-2015, Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015-2020 và nguồn vốn khuyến công quốc gia); Ngân sách huyện gặp nhiều khó khăn, chỉ có thành phố Đông Hà cân đối được một phần ngân sách trên 14 tỷ đồng (chiếm 60% ngân sách cấp huyện toàn tỉnh). Tuy nhiên, nguồn vốn bố trí còn nhỏ, chưa đáp ứng được tình hình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN, mà mới thực hiện các hạ tầng thiết yếu để thu hút đầu tư. Một số CCN chưa có điều kiện bố trí vốn để đầu tư các hạng mục thiết yếu nhưng đã thu hút được một số dự án đăng ký đầu tư vào CCN. Nhiều dự án đầu tư tại các CCN trên địa bàn tỉnh sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng triển khai chậm do thiếu quỹ đất sạch để triển khai. Trước tình hình đó, một số địa phương đã có thực hiện công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng CCN (các doanh nghiệp tự giải phóng, san lấp mặt bằng, tạo mặt bằng ban đầu để đầu tư sản xuất kinh doanh) để giải quyết vấn đề hạ tầng thiết yếu phục vụ các dự án đầu tư vào CCN nhưng cũng gặp nhiều khó khăn trong thanh quyết toán, chưa đảm bảo theo quy hoạch chi tiết xây dựng CCN, gây khó khăn cho việc thu hút các dự án sau này.

Từ những căn cứ pháp lý và thực trạng đầu tư, phát triển CCN, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về “Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025”.

II. Mục đích, quan điểm

1. Mục đích

- Đầu tư các hạng mục hạ tầng thiết yếu, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng các CCN trên địa bàn tỉnh nhằm thu hút đầu tư và giải quyết vấn đề môi trường;

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu mặt bằng sản xuất khu vực công nghiệp nông thôn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Đầu tư, phát triển CCN phải phù hợp với định hướng các Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh, Quy hoạch phát triển công nghiệp, Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ, Quy hoạch hạ tầng đô thị và quy hoạch sử dụng đất đai, các ngành, lĩnh vực liên quan khác;

- Hỗ trợ đầu tư phát triển CCN nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực của xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN; phát huy vai trò các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; gắn với phát triển đô thị, đảm bảo yêu cầu về môi trường bền vững;

- Phát triển CCN phải tính toán sử dụng đất có hiệu quả, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn;

III. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phạm vi, đối tượng, điều kiện hỗ trợ; nội dung và quy định mức hỗ trợ; dự kiến kinh phí hỗ trợ hàng năm để đầu tư hạ tầng kỹ thuật các CCN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 do ngân sách địa phương đảm bảo nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hợp tác xã; tổ hợp tác; cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề (đối với CCN làng nghề) vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước liên quan tới đầu tư, quản lý, phát triển của CCN; Các chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN theo Khoản 2 Điều 15 Nghị định 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ (gọi tắt là Trung tâm phát triển CCN); Doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các CCN (gọi tắt là Đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN)

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác và cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN, CCN làng nghề theo quy định của pháp luật.

IV. Mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện Chương trình

1. Mục tiêu

Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất – kinh doanh trong CCN phải phù hợp với định hướng của Chương trình hành động số 131-CTHĐ/TU ngày 24/9/2018 của Tỉnh ủy Quảng Trị về việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan và quy hoạch của các địa phương.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp vệ tinh của các dự án trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghiệp; gắn với phát triển đô thị và gần thị trường tiêu thụ, đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; tạo động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm phát triển các ngành nghề nông thôn, làng nghề tiểu thủ công nghiệp để thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; phục vụ nhu cầu di dời các cơ sở sản xuất ở các làng nghề, khu dân cư; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế so với các địa phương khác trong tỉnh.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN trên cơ sở huy động tối đa mọi nguồn lực của xã hội, trong đó tăng cường, khuyến khích công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực để đầu tư hạ tầng CCN; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, kinh doanh hạ tầng.

- Phấn đấu đến năm 2025 có trên 25 CCN với tổng diện tích khoảng 750 ha được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đảm bảo đủ điều kiện thu hút vào đầu tư sản xuất trong CCN.

- Cơ bản hoàn thiện kết cấu hạ tầng các CCN đã được thành lập, phê duyệt theo quy định và có tỷ lệ lấp đầy cao. Thu hút các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất vào đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Phấn đấu trên 20 CCN với tỷ lệ lấp đầy đạt 70 - 80% diện tích đất có thể cho thuê.

2. Nội dung

2.1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong CCN do Trung tâm phát triển CCN làm chủ đầu tư

a) Các chủ đầu tư hạ tầng CCN được ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN, bao gồm các hạng mục chủ yếu: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của CCN.

b) Mức hỗ trợ (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương)

- CCN có diện tích từ 30 ha trở lên: không quá 30 tỷ đồng.

- CCN có diện tích dưới 30 ha: không quá 25 tỷ đồng.

2.2. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật đối với CCN do Đơn vị đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN

- Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: Trên cơ sở hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế được nghiệm thu, thanh quyết toán, tỉnh hỗ trợ sau đầu tư chi phí san lấp mặt bằng cho nhà đầu tư với các mức hỗ trợ như sau:

+ Tối đa 01 tỷ đồng đối với CCN có giá trị san lấp từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng;

+ Tối đa 03 tỷ đồng đối với CCN có giá trị san lấp từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng;

+ 05 tỷ đồng đối với CCN có giá trị san lấp từ 50 tỷ đồng trở lên.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung trong CCN: Sau khi triển khai xây dựng xong công trình xử lý nước thải, chất thải, được tỉnh hỗ trợ sau đầu tư 10% giá trị quyết toán đối với phần xây lắp công trình xử lý nước thải cho mỗi CCN nhưng không quá 3 tỷ đồng.

2.3. Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng đối với dự án sản xuất, kinh doanh trong CCN do Trung tâm phát triển CCN làm chủ đầu tư

Nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất kinh doanh trong CCN chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật (hạng mục san lấp mặt bằng đất công nghiệp) nhưng đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tự bỏ vốn để san lấp mặt bằng thì sau khi hoàn thành, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt và khối lượng thực tế thì công nghiệm thu, thanh quyết toán, được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng nhưng tối đa không quá theo các mức sau:

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng hỗ trợ 100 triệu đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 10 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng hỗ trợ 300 triệu đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 30 tỷ đến dưới 50 tỷ đồng hỗ trợ 500 triệu đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng hỗ trợ 01 tỷ đồng;

+ Đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên hỗ trợ 1500 triệu đồng.

Kinh phí được hỗ trợ sẽ được trừ dần hàng năm vào các khoản thu nộp vào ngân sách nhà nước.

2.4. Công tác xã hội hoá xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN: huy động tối đa mọi nguồn lực của xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN, trong giai đoạn 2020 – 2025: 20 tỷ đồng.

3. Giải pháp thực hiện Nghị quyết

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp

đối với hoạt động đầu tư, phát triển CCN. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động phát triển CCN.

b) Hỗ trợ có chọn lọc CCN, CCN làng nghề để làm đầu tàu phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn đi đôi với việc hình thành, phát triển các ngành nghề, sản phẩm mới, tạo ra chuỗi liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển công nghiệp nông thôn gắn với thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

c) Thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ, hiệu quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và hoạt động các CCN trên địa bàn, tập trung đầu tư các CCN hoạt động hiệu quả, phát huy thế mạnh của địa phương.

d) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển CCN để thu hút các nhà đầu tư quan tâm, xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh.

đ) Rà soát, quy hoạch phát triển các CCN tỉnh giai đoạn 2020 – 2025, lựa chọn, ưu tiên đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các CCN có điều kiện thuận lợi, phù hợp với thực tế kết nối với hạ tầng kinh tế - xã hội.

e) Hàng năm xây dựng kế hoạch và ưu tiên, bố trí ngân sách để thực hiện Chương trình đảm bảo khách quan, phát huy được đồng vốn bỏ ra.

V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thực hiện Nghị quyết

1. Dự kiến nguồn lực: Do ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và nguồn khác (ngân sách Chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư hạ tầng của Trung ương, kinh phí sự nghiệp khuyến công quốc gia, kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân khác) đảm bảo.

Tổng kinh phí thực hiện chương trình: 178 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách cấp tỉnh (bao gồm từ nguồn vốn có mục tiêu): 99 tỷ đồng.

- Nguồn ngân sách các huyện, thị xã, thành phố: 43 tỷ đồng.

- Nguồn ngân sách khác (kinh phí sự nghiệp khuyến công quốc gia, kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường ...): 16 tỷ đồng.

- Nguồn khác (doanh nghiệp, công tác xã hội hoá,...): 20 tỷ đồng.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết

- Các CCN được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật, dự kiến đến 2025 phát triển khoảng 25 – 30 CCN.

- Nguồn thu từ hoạt động đầu tư, kinh doanh trong và ngoài CCN, nguồn đấu giá quỹ đất của các địa phương.

Dự kiến thu từ hoạt động trong CCN cả giai đoạn: 6 năm x 45 tỷ đồng (tạm tính theo nguồn thu năm 2017, 2018) = 270 tỷ đồng.

VI. Thời gian dự kiến thông qua Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, nhiệm kỳ 2016-2021 thông qua Nghị quyết vào kỳ họp thứ 11.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc về Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025.

(Có hồ sơ đề nghị phê duyệt Nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công Thương;
- Lưu: CN, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**